

# 10 ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN ĐỊA LÝ 8 NĂM HỌC 2019 CÓ ĐÁP ÁN CHI TIẾT

## 1. Đề thi HK1 môn Địa lý số 1

<b>ĐỀ 1</b> <b>TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRUNG TRỰC</b>	<b>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I</b> <b>Môn ĐỊA LÝ LỚP 8</b> <b>Thời gian: 45 phút</b>
---	---

### I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3 ĐIỂM)

**Khoanh tròn chữ cái đầu ý em cho là đúng nhất:**

**Câu 1:** Châu Á là châu lục có diện tích rộng:

- A. Thứ nhất Thế giới.      B. Thứ hai Thế giới.  
 C. Thứ ba Thế giới.      D. Thứ tư Thế giới.

**Câu 2:** Nguồn dầu mỏ và khí đốt của Châu Á tập trung chủ yếu ở khu vực nào?

- A. Bắc Á                      B. Đông Nam Á  
 C. Nam Á                      D. Tây Nam Á.

**Câu 3:** Điểm cực Bắc và cực Nam của Châu Á (phần đất liền) kéo dài trên những vĩ độ nào?

- A. 77044'B - 1016'B      B. 76044'B - 2016'B  
 C. 78043'B - 1017'BD. 87044'B - 1016'B

**Câu 4:** Các kiểu khí hậu phổ biến ở châu Á là:

- A. khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa  
 B. khí hậu hải dương và khí hậu lục địa  
 C. khí hậu lục địa và khí hậu núi cao  
 D. khí hậu gió mùa và khí hậu núi cao

**Câu 5:** Châu Á có nhiều đới khí hậu do:

- A. lãnh thổ rất rộng lớn                      B. có nhiều núi và sơn nguyên  
 C. lãnh thổ trải dài từ Cực đến xích đạo      D. có nhiều dãy núi cao

**Câu 6:** Sông ở Bắc Á thường có hướng:

- A. Tây – Đông                      B. Bắc - Nam  
 C. Tây bắc – đông nam      D. vòng cung

**Câu 7:** So với các châu lục khác, châu Á có số dân:

- A. Đứng đầu.                      B. Đứng thứ hai.  
 C. Đứng thứ ba.                      D. Đứng thứ tư

**Câu 8:** Dân cư châu Á chủ yếu theo chủng tộc nào:

- A. Môn-gô-lô-ít, Ô-xtra-lô-ít  
 B. Môn-gô-lô-ít, Ô-rô-pê-ô-ít  
 C. Ô-rô-pê-ô-ít, Nê-grô-ít  
 D. Nê-grô-ít, Ô-xtra-lô-ít

**Câu 9:** Nhận định nào sau đây không đúng với nền kinh tế các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai?

- A. Có nhiều chuyển biến mạnh mẽ.  
 B. Sự phát triển giữa các nước và vùng lãnh thổ không đều  
 C. Số quốc gia nghèo khổ chiếm tỉ lệ thấp. .  
 D Số quốc gia nghèo khổ chiếm tỉ lệ cao.

**Câu 10:** Quốc gia nào sau đây không được coi là nước công nghiệp mới?

- A. Hàn Quốc  
 B. Đài Loan  
 C. Thái Lan  
 D. Xing-ga-po.

**Câu 11:** Các nước Nam Á giành được độc lập và tiến hành xây dựng nền kinh tế tự chủ từ năm nào?

- A. 1945  
 B. 1946  
 C. 1947  
 D. 1948

**Câu 12:** Nam Á là 1 trong những khu vực

- A. có mưa nhiều nhất thế giới.  
 B. nóng nhất thế giới.  
 C. khô hạn nhất thế giới.  
 D. lạnh nhất thế giới.

## II. PHẦN TỰ LUẬN: (7 ĐIỂM)

**Câu 1:** Trình bày đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của các nước và vùng lãnh thổ Châu Á hiện nay: (2 điểm)

**Câu 2:** Phân biệt hai kiểu khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa ở châu Á. (2 điểm)

**Câu 3:** Tại sao nói, nhịp điệu hoạt động của gió mùa có ảnh hưởng rất lớn đến nhịp điệu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong khu vực Nam Á? (2 điểm)

**Câu 4:** (1 điểm) Dựa vào bảng số liệu

Sự gia tăng dân số của châu Á từ năm 1800- 2002

Đơn vị: Triệu người

Năm	1800	1900	1950	1970	1990	2002
Số dân	600	880	1402	2100	3110	3766

Nhận xét sự gia tăng dân số của châu Á.

**ĐÁP ÁN****I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3 ĐIỂM) (Mỗi ý đúng được 0.25 điểm)**

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐÁP ÁN	A	D	A	A	C	B	A	B	C	C	C	A

**II. PHẦN TỰ LUẬN: (7 ĐIỂM)**

**Câu 1:** Trình bày đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của các nước và vùng lãnh thổ Châu Á hiện nay: (2 điểm)

- Trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nước Châu Á hiện nay không đồng đều
- + Nước phát triển toàn diện: Nhật Bản
- + Nước công nghiệp mới: Xin-ga-po, Hàn Quốc, Đài Loan...
- + Nước đang phát triển có tốc độ công nghiệp hóa nhanh: Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan...
- + Nước đang phát triển nhưng nền kinh tế chủ yếu vẫn dựa vào sx nông nghiệp: Việt Nam, Lào, Căm-pu- chia, Nê Pan.
- + Nước giàu nhưng trình độ kinh tế - xã hội chưa phát triển cao: Bru-nây, Cô-oét, A-rập Xê-ut...

Những nước thu nhập thấp đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn

**Câu 2:** Phân biệt hai kiểu khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa ở châu Á. (2 điểm)

\* Các kiểu khí hậu gió mùa:

- Gồm nhiệt đới gió mùa, cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới gió mùa.
- Đặc điểm: một năm có hai mùa:

- + Mùa đông lạnh – khô
- + Mùa hạ nóng ẩm mưa nhiều

\* Các kiểu khí hậu lục địa:

- Gồm: ôn đới lục địa, cận nhiệt lục địa, nhiệt đới khô.
- Đặc điểm: một năm có hai mùa:

- + Mùa hạ: Khô – nóng
- + Mùa đông: khô – lạnh

**Câu 3:** Tại sao nói, nhịp điệu hoạt động của gió mùa có ảnh hưởng rất lớn đến nhịp điệu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong khu vực Nam Á? (2 điểm)

Gió mùa tây nam nóng và ẩm thổi đến mang theo lượng mưa lớn cho khu vực, nhân dân tiến hành sản xuất.

- Khi gió mùa đông bắc thổi tới thời tiết khô, lạnh cũng là lúc nhân dân tiến hành thu hoạch, phơi cất nông sản, nghỉ ngơi chờ tới mùa mưa năm sau.

**Câu 4:** (1 điểm)

Dựa vào bảng số liệu

Sự gia tăng dân số của châu Á từ năm 1800- 2002

Đơn vị: Triệu người

Năm	1800	1900	1950	1970	1990	2002
Số dân	600	880	1402	2100	3110	3766

Nhận xét sự gia tăng dân số của châu Á.

Nhận xét: Dân số châu Á tăng nhanh, mặc dù tỉ lệ gia tăng tự nhiên của châu Á giảm nhưng tốc độ gia tăng dân số vẫn còn nhanh. Tăng nhanh từ những năm 1970 đến năm 2002

**2. Đề thi HK1 môn Địa lý số 2**

<p><b>ĐỀ 2</b></p> <p><b>TRƯỜNG THCS ĐẮC NÔNG</b></p>	<p><b>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I</b></p> <p><b>Môn ĐỊA LÝ LỚP 8</b></p> <p><b>Thời gian: 45 phút</b></p>
---	--

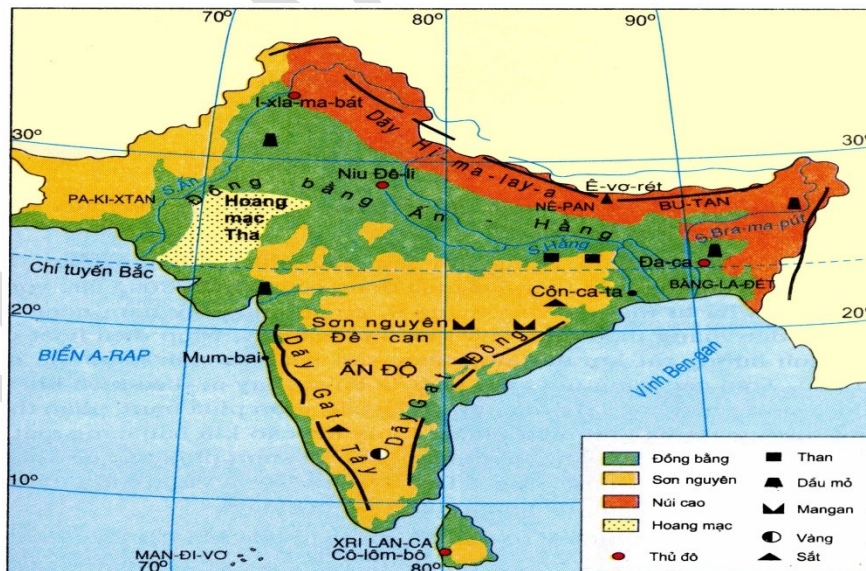
**Câu 1:** (3 điểm)

Với kiến thức đã học về khí hậu châu Á:

- a) Nêu vị trí và đặc điểm của các kiểu khí hậu phổ biến ở châu Á.
- b) Việt Nam thuộc kiểu khí hậu gì? Cảnh quan phổ biến.

**Câu 2:** (3 điểm)

Vận dụng kiến thức đã học kết hợp lược đồ tự nhiên khu vực Nam Á sau:



Lược đồ tự nhiên khu vực

a) Nêu vị trí địa lí và các dạng địa hình chính của khu vực Nam Á.

b) Dãy Gat-tây và Gat-Đông có ảnh hưởng gì đối với lượng mưa hàng năm vùng đồng bằng ven biển và sơn nguyên Đê-can?

**Câu 3:** (2 điểm)

Trình bày những thành tựu quan trọng nhất của Trung Quốc trong quá trình phát triển kinh tế.

**Câu 4:** (2 điểm)

a) Nêu vai trò chung của sông rạch ao hồ Tây Ninh đối với đời sống người dân.

b) Cần phải có biện pháp gì để khắc phục tình trạng ô nhiễm nguồn nước sông?

### ĐÁP ÁN

Câu	Đáp án	Điểm
1(3 điểm )	<p>a) Vị trí và đặc điểm của các kiểu khí hậu phổ biến ở châu Á</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Các kiểu khí hậu gió mùa:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí: Nam Á, Đông Nam Á, Nam Á.</li> <li>- Đặc điểm: Mùa đông lạnh khô, mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều.</li> </ul> </li> <li>▪ Các kiểu khí hậu lục địa:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí: Vùng nội địa và Tây Nam Á</li> <li>- Đặc điểm: Mùa đông lạnh khô, mùa hè nóng khô.</li> </ul> </li> </ul> <p>b) Việt Nam thuộc kiểu khí hậu gió mùa. Cảnh quan phổ biến là rừng nhiệt đới ẩm.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p>
2(3 điểm )	<p>a) Vị trí địa lí và các dạng địa hình chính của khu vực Nam Á.</p> <p>Vị trí địa lí: Nam Á trải dài khoảng 120B đến 370B</p> <p>Địa hình có 3 miền:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phía Bắc: Dãy Himalaya hùng vĩ, cao, đồ sộ nhất thế giới.</li> <li>- Giữa: Đồng bằng Aán – Hẳng rộng lớn.</li> <li>- Phía Nam: Sơn nguyên Đê-can, hai rìa là Gát Đông và Gát Tây.</li> </ul> <p>b) Địa hình của dãy Gat-tây và Gat-đông làm giảm hơi nước từ biển vào - lượng mưa ở sơn nguyên thấp. Vùng đồng bằng ven biển phía tây, đông nhận trực tiếp gió mùa tây nam từ biển thổi vào – lượng mưa 700 mm đến trên 1000 mm.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>2,0</p>
3( 2 điểm)	*Những thành tựu quan trọng của Trung Quốc trong quá trình phát triển kinh tế:	

	- Tốc độ tăng trưởng nhanh. - Nông nghiệp: sản xuất lương thực đứng đầu thế giới, giải quyết vấn đề lương thực cho hơn 1,3 tỉ dân. - Công nghiệp: phát triển nhiều ngành, đặc biệt các ngành công nghiệp hiện đại.	0,25  0,75  1,0
4 ( 2 điểm)	a) Vai trò chung của sông rạch ao hồ Tây Ninh đối với đời sống người dân: - Nguồn nước trên các sông, rạch, ao, hồ là nguồn tài nguyên vô cùng quan trọng đối với hoạt động sản xuất và cuộc sống con người. Mạng lưới sông rạch cùng với hệ thống giao thông dễ dàng giao thông trong và ngoài tỉnh. b) Biện pháp để khắc phục tình trạng ô nhiễm nguồn nước sông: - Cần có ý thức bảo vệ nguồn nước được trong sạch, kết hợp bảo vệ môi trường chung.	1,0       1,0

### 3. Đề thi HK1 môn Địa lý số 3

<b>ĐỀ 3</b> <b>TRƯỜNG THCS PHÚ THỌ</b>	<b>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I</b> <b>Môn ĐỊA LÝ LỚP 8</b> <b>Thời gian: 45 phút</b>
---	---

**Câu 1:** (2 điểm). Nêu những thành tựu nổi bật trong sản xuất nông nghiệp của các nước châu Á?

**Câu 2:** (3.0điểm). Trình bày đặc điểm của khu vực Tây Nam Á.

**Câu 3:** (3.0điểm) Đông Á là khu vực phát triển nhanh, nơi có nhiều nền kinh tế mạnh của thế giới, tiêu là Nhật Bản. Em hãy trình bày đặc điểm phát triển kinh tế của Nhật Bản

**Câu 4:** (2.0điểm) Cho bảng số liệu sau:

Dân số châu Á giai đoạn 1990 -2011

Năm	1990	2002	2005	2010	2011
Số dân ( Triệu người)	3110,0	3766,0	3919,2	4139,5	4183,6

**ĐÁP ÁN**

Câu	Nội dung	Điểm
1 2,0đ	<p>* Thành tựu nổi bật trong sản xuất nông nghiệp của các nước châu Á:</p> <p>+ Sản xuất lúa gạo chiếm 93% và khoảng 39% sản lượng lúa mì của toàn thế giới (2003).</p> <p>+ Trung Quốc và Ấn Độ là 2 nước đông dân trước đây thường xuyên thiếu lương thực, nay đã đủ và còn thừa để xuất khẩu.</p> <p>+ Thái Lan và Việt Nam không những đủ lương thực mà hiện nay trở thành các nước xuất khẩu gạo đứng thứ nhất và thứ hai thế giới.</p>	1,0 0,5 0,5
2 3,0đ	<p>* Đặc điểm địa hình Tây Nam Á:</p> <p>+ Là khu vực nhiều núi và cao nguyên.</p> <p>+ Phía Đông Bắc có các dãy núi chạy từ bờ Địa Trung Hải nối hệ An-pi với hệ Hi-ma-lay-a, bao quanh Sơn nguyên Thổ Nhĩ Kỳ và Sơn nguyên I-ran.</p> <p>+ Phía Tây Nam là sơn nguyên A-rap chiếm gần toàn bộ diện tích của bán đảo A-rap.</p> <p>+ Ở giữa là đồng bằng Lưỡng Hà được phù sa của hai sông Ti-grơ và Ơ-phrát bồi đắp.</p>	0,5 1,0 0,5 1,0
3 3,0đ	<p>* Đặc điểm phát triển kinh tế Nhật Bản:</p> <p>- Sau năm 1945 Nhật bản khôi phục và phát triển kinh tế. Ngày nay Nhật Bản là cường quốc kinh tế thế giới.</p> <p>- Nhật bản đã tổ chức lại nề kinh tế phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn phục vụ xuất khẩu.</p> <p>- Các ngành công nghiệp hàng đầu: Công nghiệp chế tạo ô tô, tàu biển, điện tử, sản xuất hàng tiêu dùng.</p> <p>- Các sản phẩm công nghiệp nói trên được khách hàng ưa chuộng và bán rộng rãi trên thị trường thế giới.</p> <p>- Nhờ thành tựu trong sản xuất công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ mà thu nhập bình quân đầu người cao, chất lượng cuộc sống cao và ổn định.</p>	0,5 0,5 1,0 0,5 0,5
4 2,0đ	<p>* Vẽ biểu đồ và nhận xét:</p> <p>- Vẽ biểu đồ hình cột.</p> <p>Yêu cầu: Chia đúng tỉ lệ, vẽ đủ các năm, tên biểu đồ, khoảng cách năm chính xác tương ứng nếu thiếu một yêu cầu trừ 0,25đ.</p>	1,5

- Nhận xét: Giai đoạn 1990-2011: + Dân số châu Á tăng liên tục (dẫn chứng) + Tăng Không đều qua các giai đoạn (dẫn chứng)	0,25 0,25
---	--------------

#### 4. Đề thi HK1 môn Địa lý số 4

<b>ĐỀ 4</b> <b>TRƯỜNG THCS AN GIANG</b>	<b>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I</b> <b>Môn ĐỊA LÝ LỚP 8</b> <b>Thời gian: 45 phút</b>
--	---

**Câu 1** (3,5 điểm): Trình bày đặc điểm địa hình, khí hậu và cảnh quan khu vực Đông Á.

**Câu 2** (2,5 điểm): Trình bày và giải thích sự phân hóa khí hậu châu Á.

**Câu 3** (2,0 điểm): Giải thích tại sao tình hình chính trị khu vực Tây Nam Á không ổn định?

**Câu 4** (2,0 điểm): Cho bảng số liệu:

Dân số các nước và vùng lãnh thổ Đông Á, châu Á và thế giới năm 2016 (triệu người)

Trung Quốc	Nhật Bản	Triều Tiên	Hàn Quốc	Đài Loan	Châu Á	Thế giới
1379,3	126,7	25,1	50,9	23,4	4451,3	7406,2

a) Tính dân số của Đông Á năm 2016.

b) Tính % dân số khu vực Đông Á so với châu Á và thế giới.

c) Nhận xét dân số của Đông Á.

.....**HẾT**.....

#### ĐÁP ÁN

<b>Câu 1.</b>	<b>3,5đ</b>
a) Đặc điểm địa hình:	
- Tây đất liền: Núi và sơn nguyên cao (Hi-ma-lay-a, Thiên Sơn, SN Tây Tạng...), bồn địa rộng lớn (Ta-rim,...).	0,5
- Đông đất liền, hải đảo: Núi thấp xen các đồng bằng rộng.	0,5
- Hải đảo: Chủ yếu là núi (núi lửa).	0,5
b) Khí hậu và cảnh quan:	
- Tây đất liền: Quanh năm khô hạn.	0,5
→ Cảnh quan: Thảo nguyên khô, hoang mạc, bán hoang mạc.	0,5
- Đông đất liền và hải đảo: Khí hậu gió mùa có lượng mưa lớn.	0,5
→ Cảnh quan: Chủ yếu là rừng (rừng cận nhiệt đới ẩm, rừng lá rộng,...)	0,5



<b>Câu 2.</b>	2,5đ
- Phân hóa Bắc - Nam: Từ Bắc xuống Nam có đầy đủ các đới khí hậu trên Trái Đất.	0,5
→ Do: Lãnh thổ trải dài trên nhiều vĩ độ (từ vùng cực Bắc đến vùng xích đạo).	0,5
- Phân hóa Đông - Tây: Trong một đới khí hậu từ Tây sang Đông phân thành nhiều kiểu (ví dụ: Nhiệt đới).	0,5
→ Do: Lãnh thổ mở rộng, địa hình đa dạng và phức tạp.	0,5
- Phân hóa theo độ cao. Do địa hình nhiều núi cao.	0,5
<b>Câu 3.</b>	2,0đ
- Vị trí chiến lược quan trọng (dẫn chứng).	0,5
- Nguồn tài nguyên dầu mỏ và khí đốt lớn nhất thế giới.	0,5
- Mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo nặng nề,....	0,5
- Sự phụ thuộc và can thiệp của tư bản nước ngoài.	0,5
(Ngoài ra HS nêu được các ý khác hay có ý đúng thì khuyến khích thêm 0,5 điểm nếu câu này chưa đạt điểm tối đa)	
<b>Câu 4.</b>	2,0đ
a) Dân số Đông Á năm 2016: 1605,4 triệu người.	0,5
b) Tính % dân số:	
- So với châu Á: 36,1% .	0,5
- So với thế giới: 21,7 %.	0,5
c) Nhận xét: Là khu vực có dân số đông của châu Á và thế giới.	0,5

## 5. Đề thi HK1 môn Địa lý số 5

<b>ĐỀ 5</b> <b>TRƯỜNG THCS CẦN THƠ</b>	<b>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I</b> <b>Môn ĐỊA LÝ LỚP 8</b> <b>Thời gian: 45 phút</b>
---	---

**I: Trắc nghiệm: (4,0 điểm). Chọn câu trả lời đúng nhất.**

**Câu 1.** Điểm cực Bắc và cực Nam của Châu Á (phần đất liền) Kéo dài trên những vĩ độ nào?

**A.** 77044'B - 1016'B

**B.** 76044'B - 2016'B

**C.** 78043'B - 1017'B

**D.** 87044'B - 1016'B

**Câu 2.** Khí hậu Châu Á phân chia thành nhiều kiểu khác nhau là do:

**A.** Lãnh thổ kéo dài.

**B.** Kích thước rộng lớn.

**C.** Địa hình núi ngăn cản sự ảnh hưởng của biển.

**D.** Cả A, B.

**Câu 3.** Sông Ti-grơ nằm ở khu vực nào của Châu Á?

- A. Đông Á. B. Tây Nam Á.  
C. Bắc Á. D. Nam Á.

**Câu 4.** Dân số Châu Á chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm dân số thế giới?

- A. 55% B. 69% C. 61% D. 72%

**Câu 5.** Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ. Trong các nước trên thứ tự lần lượt các nền kinh tế nhỏ dần của Châu Á là?

- A. Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ  
B. Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc  
C. Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc  
D. Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc.

**Câu 6.** Quốc gia nào ở Tây Nam Á có nguồn dầu mỏ lớn nhất?

- A. A-Rập-xê-út. B. I-Ran.  
C. I-Rắc. D. Cô-Oét.

**Câu 7:** Vào mùa hạ (tháng 7) ở khu vực Nam Á gió thổi theo hướng nào chủ yếu:

- A. Tín phong Đông Bắc B. Gió mùa Tây Nam  
C. Gió Đông Nam D. Gió mùa Đông Bắc.

**Câu 8:** Trung Quốc đã giải quyết tốt vấn đề lương thực cho gần 1,3 tỉ người (2002) là nhờ vào:

- A. Diện tích lãnh thổ rộng.  
B. Nhiều núi và Sơn nguyên cao.  
C. Khí hậu mưa thuận gió hòa.  
D. Đồng bằng rộng, màu mỡ, áp dụng khoa học kĩ thuật trong nông nghiệp.

**II: Tự luận: (6,0 điểm)**

**Câu 1:**(3,0 đ). Em hãy trình bày đặc điểm tự nhiên khu vực Đông Á?

**Câu 2:** (3,0 đ). Cho bảng số liệu về diện tích và dân số một số khu vực châu Á.

Khu vực	Diện tích (Nghìn km <sup>2</sup> )	Dân số năm 2001 (Triệu người)
Đông Á	11762	1503
Nam Á	4489	1356
Đông Nam Á	4495	519
Trung Á	4002	56
Tây Nam Á	7016	286

Dựa vào bảng số liệu trên và kiến thức đã học hãy:

a/ Tính mật độ dân số các khu vực trên?

b/ Nhận xét mật độ dân số của các khu vực Châu Á? Giải thích tại sao?

### ĐÁP ÁN

Câu	ĐÁP ÁN - HƯỚNG DẪN CHẤM	BIỂU ĐIỂM																		
I. Trắc nghiệm		4,0 điểm (Mỗi câu đúng được 0,5 đ)																		
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Câu</th> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6</th> <th>7</th> <th>8</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đáp án</td> <td>A</td> <td>D</td> <td>B</td> <td>C</td> <td>C</td> <td>A</td> <td>B</td> <td>D</td> </tr> </tbody> </table>	Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	Đáp án	A	D	B	C	C	A	B	D	
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8												
Đáp án	A	D	B	C	C	A	B	D												
II. Tự luận.		6,0 điểm																		
1 (3,0 đ)	<p><b>A. Địa hình và sông ngòi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Phần lục địa: Chiếm 83,7% diện tích lãnh thổ.</li> <li>+ Phía Tây: hệ thống núi, sơn nguyên đồ sộ xen lẫn với các bồn địa.</li> <li>+ Phía Đông: Núi thấp xen lẫn với các đồng bằng rộng lớn.</li> <li>* Sông ngòi: Có 3 hệ thống sông lớn: A mua, Hoàng Hà, Trường Giang chảy theo hướng tây – đông. Chế độ nước chia làm 2 mùa rõ rệt, mùa lũ và mùa cạn. Riêng sông Hoàng Hà có chế độ nước phức tạp.</li> </ul> <p><b>B. Phần hải đảo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Là vùng núi trẻ thường xuyên động đất và núi lửa.</li> <li>- Sông ngòi ngắn và dốc.</li> <li>* Khí hậu và cảnh quan:</li> <li>- Phía đông phần đất liền và hải đảo:</li> <li>+ Khí hậu có 2 mùa gió khác nhau:</li> <li>Mùa đông có gió Tây Bắc với tính chất lạnh khô.</li> <li>Mùa hạ có gió Đông Nam với tính chất mát mẽ, ẩm mưa nhiều.</li> <li>+ Cảnh quan có rừng bao phủ.</li> <li>- Phía Tây phần đất liền:</li> <li>+ Thuộc lãnh thổ Trung Quốc do nằm sâu trong nội địa nên khí hậu khô hạn quanh năm.</li> <li>+ Cảnh quan là thảo nguyên khô, hoang mạc và bán hoang mạc.</li> </ul>	0, 5 điểm  0, 5 điểm  0, 5 điểm  0,5 điểm  0, 5 điểm  0, 5 điểm																		
2 (3,0 đ)	<p>a/ Tính mật độ dân số:</p> <p>(HS tính đúng một khu vực được 0,25 điểm, có công thức tính 0,25 điểm)</p> <p>+Đông Á: 128 (127,8) người/km<sup>2</sup></p> <p>+Nam Á: 302 người/km<sup>2</sup></p>	0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm																		

+Đông Nam Á: 116 (115,5) người/km <sup>2</sup>	0,25 điểm
+ Trung Á: 14 người/km <sup>2</sup>	0,25 điểm
+Tây Nam Á: 41 (40,8) người/km <sup>2</sup> .	0,25 điểm
b/ Nhận xét, nguyên nhân:	
- Dân số (mật độ dân số) không đồng đều giữa các khu vực.	0,5 điểm
+ Những những khu vực có mật độ dân số cao: Nam Á, Đông Á, Đông Nam Á.	0,5 điểm
→ Nguyên nhân: Nằm trong kiểu khí hậu gió mùa, nhiều đồng bằng lớn, gần biển, có lịch sử phát triển lâu đời, ...	0,5 điểm
+ Những khu vực thưa dân: Tây Nam Á, Trung Á.	
→ Do có địa hình hiểm trở, khí hậu khô hạn,...	

## 6. Đề thi HK1 môn Địa lý số 6

<b>ĐỀ 6</b> <b>TRƯỜNG THCS TRẦN HƯNG ĐẠO</b>	<b>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I</b> <b>Môn ĐỊA LÝ LỚP 8</b> <b>Thời gian: 45 phút</b>
---	---

**Câu 1:** Vị trí địa lý và đặc điểm địa hình có ảnh hưởng như thế nào tới khí hậu và sông ngòi của châu Á? (3 điểm)

**Câu 2:** Hãy trình bày và giải thích một số đặc điểm kinh tế của các nước ở châu Á. (2 điểm)

**Câu 3:** nêu vị trí địa lý và địa hình Nam Á: (2 điểm)

**Câu 4:** Cho biết giá trị kinh tế sông ngòi Tây Ninh? (3 điểm)

### ĐÁP ÁN

**Câu 1:**

- Châu Á nằm ở nửa cầu Bắc, là một bộ phận lục địa Á - Âu, kéo dài từ vùng cực Bắc đến vùng xích đạo. Là lục địa rộng nhất thế giới.

- Có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên cao, đồ sộ tập trung ở trung tâm; nhiều đồng bằng rộng lớn.

- Với vị trí địa lý và địa hình đã làm cho châu Á có:

+ Khí hậu mang tính chất phức tạp, đa dạng, phân hoá thành nhiều đới (5 đới), nhiều kiểu khí hậu khác nhau

+ Các sông có chế nước không đều và có chế độ nước phức tạp...

Bắc Á: mùa xuân nước đóng băng, mùa xuân có lũ do băng tan

Khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á sông có lượng nước lớn vào mùa mưa.

Tây Nam Á và Trung Á: nguồn nước ở các dòng sông do băng tan từ núi cao cung cấp

www.eLib.vn

**Câu 2:**

- Đặc điểm phát triển kinh tế các nước Châu Á.
- + Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, nền kinh tế các nước đều bị kiệt quệ, đời sống nhân dân vô cùng cực khổ.
- + Nửa cuối thế kỷ xx, nền kinh tế các nước có sự biến đổi mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- + Tuy nhiên, trình độ phát triển kinh tế chưa đều giữa các nước và các vùng lãnh thổ.
- Nguyên nhân: chế độ phong kiến và thực dân kìm hãm, nền kinh tế rơi vào tình trạng chậm phát triển kéo dài.

**Câu 3:**

-Nêu vị trí địa lí và địa hình Nam Á:

- Nam Á gồm 7 quốc gia.
- Nam Á là bộ phận nằm rìa phía nam lục địa.
- Địa hình chia thành 3 miền:
  - . Phía Bắc dãy Himalaya
  - . Ở giữa là đồng bằng Ấn hàng rộng thấp.
  - . Phía Nam là sơn nguyên Đê-can.

**Câu 5:** Cho biết giá trị kinh tế sông ngòi Tây Ninh?

- sông ngòi Tây Ninh có giá trị kinh tế:
  - + Giao thông vận tải
  - + Nuôi trồng đánh bắt thủy sản, du lịch, cung cấp nước cho sản xuất phục vụ đời sống cho nhân dân, điều hoà khí hậu...

**7. Đề thi HK1 môn Địa lý số 7**

<b>ĐỀ 7</b> <b>TRƯỜNG THCS TÂN ĐÀ</b>	<b>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I</b> <b>Môn ĐỊA LÍ LỚP 8</b> <b>Thời gian: 45 phút</b>
--	---

**Câu 1:** (2 điểm) Thiên nhiên châu Á có những thuận lợi và khó khăn gì?

**Câu 2:** (2 điểm) Giải thích vì sao tình hình chính trị của Tây Nam Á không ổn định?

**Câu 3:** (3 điểm) Trình bày khái quát về dân cư và đặc điểm phát triển kinh tế khu vực Đông Á.

**Câu 4:** (3 điểm) Cho bảng số liệu:

Sự gia tăng dân số của Châu Á từ năm 1800 - 2002

Năm	1800	1900	1950	1970	1990	2002
Số dân ( Triệu người)	600	880	1402	2100	3110	3766

**A.** Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện sự gia tăng dân số của Châu Á từ năm 1800 đến năm 2002.

**B.** Dựa vào biểu đồ đã vẽ, nêu nhận xét về sự gia tăng dân số của Châu Á.

### ĐÁP ÁN

Câu	Đáp án	Điểm
1	<p>Những thuận lợi và khó khăn của thiên nhiên châu Á.</p> <p>*Thuận lợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiều khoáng sản có trữ lượng lớn, đáng chú ý nhất là than, dầu mỏ, khí đốt, sắt, thiếc, ...</li> <li>- Các tài nguyên khác như đất, khí hậu, nguồn nước, động thực vật đa dạng, các nguồn năng lượng dồi dào...</li> </ul> <p>* Khó khăn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các vùng núi cao hiểm trở, khí hậu khô hạn, giá lạnh, khắc nghiệt chiếm diện tích lớn.</li> <li>- Các thiên tai như động đất, núi lửa, bão lụt... thường xuyên xảy ra.</li> </ul>	<p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p>
2	<p>Tình hình chính trị của Tây Nam Á không ổn định vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có nguồn tài nguyên giàu có đặc biệt là dầu mỏ.</li> <li>- Có vị trí chiến lược quan trọng - nơi qua lại giữa ba châu lục, giữa các vùng biển, đại dương.</li> <li>- Mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo từ lâu đời.</li> </ul> <p>Những nguyên nhân trên dẫn đến xung đột tranh chấp trong và ngoài khu vực xảy ra liên miên làm cho tình hình chính trị khu vực không ổn định .</p>	<p>0,25 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,25 đ</p>
3	<p>Khái quát về dân cư và đặc điểm phát triển kinh tế khu vực Đông Á</p> <p>* Dân cư:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đông Á là khu vực có số dân đông nhất châu Á, chiếm 24% ds tg, 40% ds châu Á, trong đó Trung Quốc có số dân đông nhất trong khu vực.</li> <li>- Phân bố không đều: tập trung đông ở phía đông và đông nam khu vực</li> </ul>	<p>0,5 đ</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các quốc gia có nền văn hóa rất gần gũi nhau</li> <li>* Kinh tế:             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngay sau chiến tranh thế giới thứ 2 nền kinh tế các nước Đông Á kiệt quệ, đói nghèo.</li> <li>- Ngày nay nền kinh tế các nước ĐÁ phát triển nhanh, mạnh</li> <li>- Đông Á là khu vực có kinh tế phát triển nhanh, tốc độ tăng trưởng nhanh, quá trình phát triển đi từ sản xuất thay thế hàng nhập khẩu đến sản xuất để xuất khẩu .</li> </ul> </li> </ul>	0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ														
4	<p>* Vẽ biểu đồ đúng tỉ lệ, đẹp, đầy đủ thông tin.</p> <p>Biểu đồ sự gia tăng dân số Châu Á từ năm 1800- 2002</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Số dân</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1800</td> <td>600</td> </tr> <tr> <td>1900</td> <td>880</td> </tr> <tr> <td>1950</td> <td>1402</td> </tr> <tr> <td>1970</td> <td>2100</td> </tr> <tr> <td>1990</td> <td>3110</td> </tr> <tr> <td>2002</td> <td>3766</td> </tr> </tbody> </table> <p>* Nhận xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dân số châu Á tăng liên tục qua các năm.</li> <li>- Tăng nhanh nhất cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI.</li> </ul>	Năm	Số dân	1800	600	1900	880	1950	1402	1970	2100	1990	3110	2002	3766	2,0 đ 0,5 đ 0,5 đ
Năm	Số dân															
1800	600															
1900	880															
1950	1402															
1970	2100															
1990	3110															
2002	3766															



**8. Đề thi HK1 môn Địa lý số 8**

<b>ĐỀ 8</b> <b>TRƯỜNG THCS CÀ MAU</b>	<b>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I</b> <b>Môn ĐỊA LÝ LỚP 8</b> <b>Thời gian: 45 phút</b>
--	---

**Câu 1:** (3,0 điểm)

Nêu đặc điểm địa hình và khoáng sản của châu Á.

**Câu 2:** (2,0 điểm)

Trình bày tình hình sản xuất lương thực ở châu Á.

**Câu 3:** (2,0 điểm)

Vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên có ý nghĩa tới sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Tây Nam Á như thế nào?

**Câu 4:** (3,0 điểm)

Dựa vào bảng số liệu dưới đây, vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu kinh tế của Ấn Độ năm 1995 và năm 2001. Nhận xét về sự thay đổi cơ cấu kinh tế của Ấn Độ.

Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Ấn Độ

Các ngành kinh tế	Tỉ trọng cơ cấu GDP (%)	
	Năm 1995	Năm 2001
Nông – lâm – thủy sản	28,4	25,0
Công nghiệp – xây dựng	27,1	27,0
Dịch vụ	44,5	48,0

**ĐÁP ÁN**

Câu	Đáp án	Điểm
1 (3,0 điểm)	<p>Đặc điểm địa hình châu Á:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Châu Á có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên cao, đồ sộ tập trung chủ yếu ở trung tâm và nhiều đồng bằng rộng nhất thế giới.</li> <li>- Các dãy núi chạy theo 2 hướng chính: Bắc – Nam; Đông – Tây làm cho địa hình bị chia cắt phức tạp.</li> <li>- Khoáng sản: phong phú và có trữ lượng lớn, tiêu biểu là dầu mỏ, khí đốt, than, kim loại màu...</li> </ul>	1,0  1,0  1,0
2 (2,0 điểm)	<p>Tình hình sản xuất lương thực ở châu Á:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lúa gạo là cây lương thực quan trọng nhất, thích nghi với điều kiện nóng ẩm, được trồng chủ yếu trên các đồng bằng phù sa màu mỡ.</li> </ul>	0,25

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lúa mì và ngô được trồng ở các vùng đất cao và có khí hậu khô hơn.</li> <li>- Châu Á chiếm gần 93% sản lượng lúa gạo và khoảng 39% sản lượng lúa mì của thế giới.</li> <li>- Trung Quốc và Ấn Độ là hai nước đông dân nhất thế giới, trước kia thiếu lương thực, nay đã đủ và còn thừa để xuất khẩu.</li> <li>- Thái Lan và Việt Nam đã trở thành những nước xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới.</li> </ul>	0,25 0,5 0,5 0,5
3 (2,0 điểm)	<p>Ảnh hưởng của vị trí địa lí và tài nguyên thiên nhiên của khu vực Tây Nam Á:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nằm ở vị trí địa lí qua lại giữa ba châu lục (Á – Âu - Phi) và giữa các vùng biển, đại dương, rất thuận lợi cho giao lưu, buôn bán. Vị trí có ý nghĩa chiến lược quan trọng.</li> <li>- Nguồn tài nguyên quan trọng nhất là dầu mỏ, trữ lượng rất lớn và phân bố chủ yếu ở đồng bằng Lưỡng Hà, ven vịnh Péc-xích... Những nước có nhiều dầu mỏ là Ả-rập-xê-út, I-ran, I-rắc, Cô-oét... Dầu mỏ là nguồn thu ngoại tệ rất lớn của khu vực.</li> </ul>	1,0 1,0
4 (3,0 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Vẽ biểu đồ: Vẽ 2 biểu đồ hình tròn cho 2 năm 1995 và 2001. Vẽ đúng và đẹp, có chú thích, ghi tên biểu đồ.</li> <li>* Nhận xét: Từ năm 1995 – 2001: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ trọng nông, lâm, thủy sản giảm 3,0 %. Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng không tăng. Dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất và tăng 3,5 %.( 0,75 đ )</li> <li>- Cơ cấu kinh tế của Ấn Độ có xu hướng tiến bộ.</li> </ul> </li> </ul>	2,0 0,75 0,25

**9. Đề thi HK1 môn Địa lý số 9**

<b>ĐỀ 9</b> <b>TRƯỜNG THCS BẠC LIÊU</b>	<b>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I</b> <b>Môn ĐỊA LÝ LỚP 8</b> <b>Thời gian: 45 phút</b>
--	---

**Câu 1:** (3,0 điểm)

Hãy nêu các đặc điểm về vị trí địa lý, kích thước của lãnh thổ châu Á và ý nghĩa của chúng đối với khí hậu.

**Câu 2:** (2,0 điểm)

Trình bày tình hình sản xuất lương thực ở châu Á.

**Câu 3:** (2,0 điểm)

Vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên có ý nghĩa tới sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Tây Nam Á như thế nào?

**Câu 4:** (3,0 điểm)

Dựa vào bảng số liệu sau:

Khu vực	Đông Á	Nam Á	Đông Nam Á	Trung Á	Tây Nam Á
Diện tích (nghìn km <sup>2</sup> )	11762	4489	4495	4002	7016
Dân số (triệu người)	1503	1356	519	56	286

a) Tính mật độ dân số các khu vực của châu Á (đơn vị: người / km<sup>2</sup>)

b) Kể tên hai khu vực đông dân nhất châu Á. Khu vực nào có mật độ dân số cao nhất châu Á?

**ĐÁP ÁN**

Câu	Đáp án	Điểm
1 (3,0 điểm)	<p>* Vị trí địa lý, kích thước của lãnh thổ châu Á:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ở nửa cầu Bắc, là một bộ phận của lục địa Á- Âu.</li> <li>- Trải rộng từ Xích đạo đến cực Bắc, giáp hai châu lục và ba đại dương</li> <li>- Là châu lục lớn nhất thế giới (diện tích 44,4 triệu km<sup>2</sup> tính luôn đảo, chiều dài Bắc- Nam 9200km, chiều rộng Đông- Tây 8500 km)</li> </ul> <p>* Ý nghĩa đối với khí hậu: khí hậu châu Á đa dạng, phân hoá thành nhiều đới và kiểu khí hậu khác nhau.</p>	<p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>

2 (2,0 điểm)	<p>Tình hình sản xuất lương thực ở châu Á:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lúa gạo là cây lương thực quan trọng nhất, thích nghi với điều kiện nóng ẩm, được trồng chủ yếu trên các đồng bằng phù sa màu mỡ.</li> <li>- Lúa mì và ngô được trồng ở các vùng đất cao và có khí hậu khô hơn.</li> <li>- Châu Á chiếm gần 93% sản lượng lúa gạo và khoảng 39% sản lượng lúa mì của thế giới.</li> <li>- Trung Quốc và Ấn Độ là hai nước đông dân nhất thế giới, trước kia thiếu lương thực, nay đã đủ và còn thừa để xuất khẩu.</li> <li>- Thái Lan và Việt Nam đã trở thành những nước xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới.</li> </ul>	0,25  0,25  0,5  0,5  0,5												
3 (2,0 điểm)	<p>Ảnh hưởng của vị trí địa lí và tài nguyên thiên nhiên của khu vực Tây Nam Á:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nằm ở vị trí địa lí qua lại giữa ba châu lục (Á – Âu - Phi) và giữa các vùng biển, đại dương, rất thuận lợi cho giao lưu, buôn bán. Vị trí có ý nghĩa chiến lược quan trọng.</li> <li>- Nguồn tài nguyên quan trọng nhất là dầu mỏ, trữ lượng rất lớn và phân bố chủ yếu ở đồng bằng Lưỡng Hà, ven vịnh Péc-xích... Những nước có nhiều dầu mỏ là Ả-rập-xê-út, I-ran, I-rắc, Cô-oét... Dầu mỏ là nguồn thu ngoại tệ rất lớn của khu vực.</li> </ul>	1,0  1,0												
4 (3,0 điểm)	<p>a- Tính mật độ dân số:</p> <table border="1" data-bbox="325 1256 1193 1585"> <thead> <tr> <th>Khu vực</th> <th>Mật độ dân số ( người / km<sup>2</sup>)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đông Á</td> <td>127</td> </tr> <tr> <td>Nam Á</td> <td>302</td> </tr> <tr> <td>Đông Nam Á</td> <td>116</td> </tr> <tr> <td>Trung Á</td> <td>15</td> </tr> <tr> <td>Tây Nam Á</td> <td>41</td> </tr> </tbody> </table> <p>b- Hai khu vực có số dân đông nhất: Đông Á, Nam Á Khu vực có mật độ dân số cao nhất châu Á: Nam Á.</p>	Khu vực	Mật độ dân số ( người / km <sup>2</sup> )	Đông Á	127	Nam Á	302	Đông Nam Á	116	Trung Á	15	Tây Nam Á	41	0,5 0,5 0,5 0,5 0,5  0,25 0,25
Khu vực	Mật độ dân số ( người / km <sup>2</sup> )													
Đông Á	127													
Nam Á	302													
Đông Nam Á	116													
Trung Á	15													
Tây Nam Á	41													

**10. Đề thi HK1 môn Địa lý số 10**

<b>ĐỀ 10</b> <b>TRƯỜNG THCS NHA TRANG</b>	<b>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I</b> <b>Môn ĐỊA LÝ LỚP 8</b> <b>Thời gian: 45 phút</b>
--	---

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 ĐIỂM)**

Hãy khoanh tròn câu đúng nhất ở các câu dưới đây.

**Câu 1:** Dân số Châu Á chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm dân số thế giới?

- A. 55%                      B. 61%                      C. 69%                      D. 72%

**Câu 2:** Khu vực có mật độ dân số cao nhất trong các khu vực của châu Á:

- A. Đông Á                      B. Nam Á  
C. Đông Nam Á                      D. Tây Nam Á

**Câu 3:** Diện tích Châu Á (kể cả các đảo) là.

- A. 41,5 triệu km<sup>2</sup>                      B. 44,4 triệu km<sup>2</sup>  
C. 40,5 triệu km<sup>2</sup>                      D. 42,5 triệu km<sup>2</sup>

**Câu 4:** Những nước nào sau đây xuất khẩu lương thực (lúa gạo) nhiều nhất thế giới?

- A. Thái Lan, Việt Nam                      B. Trung Quốc, Ấn Độ  
C. Nga, Mông Cổ                      D. Nhật Bản, Ma-lai-xi-a.

**Câu 5:** Nối các ý ở cột A với cột B (1 điểm)

A	B	Đáp án
1. Dân cư	A. Là cái nôi của nền văn hóa cổ đại thế giới	1+....
2. Kinh tế	B. Phức tạp, không ổn định	2+....
3. Chính trị	C. Công nghiệp khai thác và chế biến dầu mỏ	3+....
4. Văn hóa	D. Phần lớn là người Ả-rập, theo đạo Hồi	4+....

**II. PHẦN TỰ LUẬN (7 ĐIỂM)**

**Câu 1 (2 điểm):**

Thiên nhiên châu Á có những thuận lợi và khó khăn gì đối với sản xuất và đời sống con người?

**Câu 2: (2 điểm)**

Hãy nêu đặc điểm khác nhau về khí hậu và cảnh quan giữa nửa phía tây và nửa phía đông của phần đất liền của khu vực Đông Á.

**Câu 3: (3 điểm):**

Dựa vào bảng số liệu sau đây. Tỷ trọng trong cơ cấu GDP của Ấn Độ (%)

Các ngành kinh tế	Năm 2001
- Nông – Lâm – Thủy sản	25,0
- Công nghiệp – Xây dựng	27,0
- Dịch vụ	48,0

a/ Hãy vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Ấn Độ năm 2001?

b/ Nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu GDP của Ấn Độ?

### ĐÁP ÁN

#### I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 ĐIỂM)

1. b      2. b      3. b      4. a      5. (1.d; 2.c; 3.b; 4.a)

#### II. PHẦN TỰ LUẬN (7 ĐIỂM)

**Câu 1** (2 điểm):

Thuận lợi:

Có nguồn tài nguyên thiên nhiên rất phong phú:

+ Có nhiều khoáng sản có trữ lượng rất lớn; than, dầu mỏ, khí đốt.

+ Các tài nguyên khác như: đất, khí hậu, nguồn nước, thực vật, động vật và rừng rất đa dạng. Các nguồn năng lượng (thủy năng, gió, năng lượng mặt trời, địa nhiệt) rất dồi dào

Khó khăn:

Núi non hiểm trở

Khí hậu khắc nghiệt

Thiên tai bất thường

**Câu 2** (2,0 điểm):

Khác nhau về khí hậu

Phía Tây	Phía Đông
- Khí hậu lục địa khô hạn	Khí hậu gió mùa ẩm
- Khí hậu lục địa núi cao	

Khác nhau về cảnh quan

Phía Tây	Phía Đông
- Hoang mạc, bán hoang mạc	Rừng là chủ yếu
- Cảnh quan núi cao	

**Câu 3** (3,0 điểm):

Vẽ đúng, chính xác tỉ lệ, có tên biểu đồ và chú thích (2 điểm)

Nhận xét:

Dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất 48,0%, kế đến là công nghiệp – xây dựng 27.0% và cuối cùng thấp nhất là nông – lâm – thủy sản 25,0%

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng ngành công nghiệp - dịch vụ và giảm tỉ trọng ngành nông – lâm - thủy sản.

WWW.ELIB.VN